

Bản án số: 822/2020/DS-PT

Ngày: 28/8/2020

*V/v tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hằng

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Thanh Vân

2. Bà Huỳnh Thị Như Hà

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia***  
nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ  
lý số 357/2020/DSPT ngày 03/7/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 142/2020/DS-ST ngày 26/5/2020 của Tòa án  
nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4036/2020/QĐPT-DS ngày 06 tháng  
8 năm 2020, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:***

1.1. Bà Nguyễn Thị Thúy N, sinh năm 1964

1.2. Bà Phạm Thị P, sinh năm 1944

Cùng địa chỉ: 54 đường L, Phường M, Quận N, TP. Hồ Chí Minh.

***Người đại diện theo ủy quyền của bà P:*** Bà Nguyễn Thị Thúy N (Giấy ủy  
quyền lập ngày 13/10/2018 tại Văn phòng Công chứng T - số 40, đường C,  
Phường X, Quận N, TP.HCM) – Có mặt.

***2. Bị đơn:***

2.1. Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1971 - Có mặt

2.2. Bà Nguyễn Thị Kim B, sinh năm 1973 – Có mặt

2.3. Ông Nguyễn Kim D, sinh năm 1980 - Có mặt

Cùng địa chỉ: 166/8 đường U, Phường M, Quận N, TP. Hồ Chí Minh.

2.4. Ông Nguyễn Kim U, sinh năm 1975 - Có mặt.

2.5. Ông Nguyễn Kim Y, sinh năm 1984 - Có mặt.

Cùng địa chỉ: 177/20 đường U, Phường M, Quận N, TP.Hồ Chí Minh.

2.6. Bà Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm 1978

Địa chỉ: 40/27/10 đường Đ, Phường M, quận T, TP.HCM.

***Người đại diện theo ủy quyền của bà Y:*** Ông Lê Hoài S, sinh năm 1971; địa  
chỉ: 287 đường O, Phường U, quận T, TP.HCM (Giấy ủy quyền lập ngày

18/7/2019 tại Văn Phòng Công chứng Đ Thành phố Hồ Chí Minh). – Có mặt.<sup>2</sup>

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Kim U:*  
ông Ngụy Cao K, sinh năm 1975 – Luật sư, Văn phòng luật sư Cao K thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt.

3. Người kháng cáo: Các bị đơn: Nguyễn Thị Kim A, Nguyễn Thị Kim B, Nguyễn Thị Kim Y, Nguyễn Kim U, Nguyễn Kim Y, Nguyễn Kim D.

4. Người kháng nghị: Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 13/10/2018 bà Nguyễn Thị Thúy N, bà Phạm Thị P (có người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Thúy N) trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Thúy N và bà Phạm Thị P có cho bà Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị Kim A (con gái của bà L) vay tiền hai lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 06/9/2016 cho vay số tiền 83.500.000 đồng, có làm hợp đồng vay, thời hạn vay 30 tháng, lãi suất 2%/tháng. Thẻ chấp thế rút tiền số 9704155204406732.

Lần 2: Ngày 08/12/2016 cho vay số tiền 100.000.000 đồng, có làm hợp đồng vay, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 2%/tháng. Hứa thế chấp nhà và đất tại địa chỉ 166/8 đường U, Phường M, Quận N nhưng thực tế chưa giao giấy tờ nhà cho nguyên đơn.

Bà Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị Kim A đã trả lãi 09 tháng với số tiền 25.000.000 đồng, sau đó không trả tiếp. Chồng bà L chết khoảng tháng 11/2016, bà L chết ngày 24/9/2017. Nguyên đơn đến nhà yêu cầu các con của bà L (đại diện theo thừa kế của bà L) trả vốn vay gốc và lãi nhưng đến nay họ vẫn chưa thanh toán. Do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim A và các đồng thừa kế của bà L là bà B, ông U, bà Y, ông D, ông Y phải trả lại số tiền vay còn nợ là 183.500.000 đồng và lãi suất tạm tính từ ngày 06/6/2017 đến ngày 06/6/2018 là 43.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền là 226.500.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim A vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại toà án cấp sơ thẩm.

*Bị đơn ông Nguyễn Kim U trình bày:* Ông và các người con của bà L không biết về khoản nợ của bà L và bà Kim A. Ông yêu cầu bà Kim A có mặt tại toà án đối chất cho rõ ràng để các anh chị em sắp xếp việc trả nợ. Nếu đúng số tiền vay mượn như trên thì các anh chị em sẽ thương lượng với bà Nga về cách thức trả nợ.

Tại bản án số 142/2020/DS-ST ngày 26/5/2020 của Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 74, Điều 75, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94, Điều 96, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 233, Khoản 3 Điều 248, Điều 264, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 401, Điều 402, Điều 471, Điều 474, Điều 476, Điều 478 của Bộ luật dân sự năm 2005;
- Các Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Luật thi hành án dân sự năm 2009 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014);
- Các Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy N, bà Phạm Thị P:

1. Buộc các ông (bà): Bà Nguyễn Thị Kim A, bà Nguyễn Thị Kim B, ông Nguyễn Kim D, ông Nguyễn Kim U, ông Nguyễn Kim Y, bà Nguyễn Thị Kim Y phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thúy N, bà Phạm Thị P tổng số tiền là 246.845.875 (hai trăm bốn mươi sáu triệu, tám trăm bốn mươi lăm nghìn, tám trăm bảy mươi lăm) đồng.

Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09 tháng 6 năm 2020, các bị đơn Nguyễn Thị Kim A, Nguyễn Thị Kim B, Nguyễn Thị Kim Y, Nguyễn Kim U, Nguyễn Kim Y, Nguyễn Kim D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 142/2020/DS-ST ngày 26/5/2020 của Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh với lý do Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá các chứng cứ không khách quan, trong các hợp đồng vay đều có chữ ký của cả bà Kim A và bà L nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ tiến hành giám định chữ ký của bà Kim A. Mặt khác, tòa án không làm rõ ai là người nhận tiền, số tiền vay của bà Kim A là bao nhiêu, của bà L là bao nhiêu để làm rõ trách nhiệm trả nợ của các đồng thừa kế của bà L.

Ngày 24/6/2020, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyết định số 7490/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị một phần bản án sơ thẩm số 142/2020/DS-ST ngày 26/5/2020 của Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nội dung kháng nghị:

-Về tố tụng: Bản án sơ thẩm áp dụng Điều 74 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định các con của bà L là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà L là vận dụng sai điều luật. bà L chết ngày 24/9/2017, trước ngày nguyên đơn khởi kiện (13/10/2018). Nguyên đơn không khởi kiện bà L mà khởi kiện các con của bà L. Trong trường hợp này, phải xác định nguyên đơn khởi kiện các con của bà L (trừ bà Kim A là bị đơn) là đồng bị đơn để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại theo quy định tại Điều 637 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Về nội dung:

Căn cứ vào hai giấy vay tiền ngày 06/9/2016 và 08/12/2016 thể hiện bà Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị Kim A cùng ký tên vay số tiền 183.500.000 đồng. Nguyên đơn yêu cầu bà Kim A cùng các đồng thừa kế của bà L cùng có trách nhiệm trả nợ. bà L đã chết, bà Kim A vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ

án. Nguyên đơn chỉ yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết của bà Kim A trên hai<sup>4</sup> giấy vay tiền. Kết quả giám định số 5112/CO9B ngày 18/12/2019 của Phân viện khoa học hình sự Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh là chữ viết và chữ ký đứng tên Nguyễn Thị Kim A với các tài liệu mẫu là do một người ký ra.

Bản án sơ thẩm căn cứ kết luận giám định nêu trên để nhận định *“đã có đủ cơ sở xác phía bị đơn bà L và bà Kim A có vay mượn tiền của nguyên đơn, hai hợp đồng được giao kết có thể hiện đúng chữ viết, chữ ký của bà Nguyễn Thị Kim A với bà L”* là thiếu căn cứ vì hai giấy nợ thể hiện bên vay tiền có hai người ký tên là bà Kim A và bà L nhưng Toà sơ thẩm không giám định chữ ký, chữ viết của bà L đã kết luận chữ viết, chữ ký là của bà L.

Các đồng thừa kế của bà L gồm 6 người (Kim B, Kim A, Kim O, Kim D, Kim U, Kim Y) nhưng chỉ có ông U có mặt trong quá trình toà án giải quyết. Nhưng ông U cũng không xác định rõ trách nhiệm của những người thừa kế là sẽ thực hiện nghĩa vụ do bà L để lại là trả khoản nợ vay theo yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên toà sơ thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông U có yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của bà L nhưng không được chấp nhận. Bản án sơ thẩm cho rằng điều này đã vi phạm khoản 3 Điều 248 của Bộ luật Dân sự 2015 là không đúng. Vì khoản 4 Điều 96 của Bộ luật tố tụng năm 2015 đã quy định *“Đối với tài liệu, chứng cứ mà trước đó Toà án không yêu cầu đương sự giao nộp hoặc tài liệu, chứng cứ mà đương sự không thể biết trong quá trình giải quyết vụ việc theo trình tự sơ thẩm thì đương sự có quyền giao nộp, trình bày tại phiên toà sơ thẩm, phiên họp giải quyết việc dân sự hoặc các giai đoạn tố tụng tiếp theo của việc giải quyết vụ việc dân sự”*. Như vậy quá trình Toà án cấp sơ thẩm giải quyết đã không hỏi ông U có yêu cầu giám định chữ ký của bà L hay không, nếu có thì yêu cầu ông U cung cấp tài liệu để giám định, từ đó mới có cơ sở xác định bà L có cùng ký vay hay không để xem xét trách nhiệm của các đồng thừa kế thực hiện nghĩa vụ do bà L để lại.

Ngoài ra, để buộc các thừa kế thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại thì phải xác minh bà L có để lại di sản hay không vì theo quy định tại khoản 1 Điều 637 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định *“Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thoả thuận khác”*.

Căn cứ hợp đồng vay ngày 06/9/2016 thể hiện việc thế chấp thế rút tiền số 9704155204406732 nhưng chưa được làm rõ.

Về lãi suất: Bản án sơ thẩm điều chỉnh lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005 là đúng. Tuy nhiên, căn cứ theo hai giấy vay thể hiện thời hạn là 30 tháng (khoản vay 83.500.000 đồng) và 36 tháng (khoản vay 100.000.0000 đồng) nên phải tính lãi trong hạn, lãi quá hạn. Bản án sơ thẩm chỉ tính lãi trong hạn cho toàn bộ hai khoản vay đến thời điểm xét xử là không đúng quy định tại khoản 5 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Ngoài ra nguyên đơn xác định bị đơn đã trả lãi được 9 tháng nhưng bản án sơ thẩm không xem xét để căn trừ khoản tiền lãi đã trả dư (vượt quá mức lãi suất pháp luật cho phép) vào nợ vốn mà vẫn tính lãi từ khi vay đến khi xét xử rồi mới trừ vào phần lãi đã trả là ảnh hưởng đến quyền lợi bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không rút kháng nghị, bị đơn không rút kháng cáo, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bị đơn ông Nguyễn Kim U trình bày nội dung và căn cứ kháng cáo như sau: Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ không khách quan, các hợp đồng vay có chữ ký của hai người nhưng chỉ giám định chữ ký của bà Kim A trong khi chữ ký của bà L hoàn toàn khác khi nhìn bằng mắt thường. Do đó ông đề nghị tòa án giám định chữ ký của bà L và xác định khoản vay trên là do ai nhận tiền, bà L nhận bao nhiêu để những người thừa kế có trách nhiệm trả nợ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông U – luật sư Ngụy Cao K trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm không cho giám định chữ ký và chữ viết của bà L trong hai giấy vay nợ ngày 06/9/2016 và 08/12/2016 nhưng xác định bà L cùng bà Nguyễn Thị Kim A vay số tiền 183.000.000 đồng là không có cơ sở. Mặt khác bản án sơ thẩm cũng không làm rõ khoản nợ cụ thể của bà L là bao nhiêu. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm.

Bị đơn bà Nguyễn Kim A có mặt tại phiên tòa phúc thẩm xác định chữ ký và chữ viết trong hai giấy vay tiền là do bà và mẹ bà là Nguyễn Thị L ký tên. Tuy nhiên bà xác định số tiền vay là 100.000.000 đồng chứ không phải là 183.500.000 đồng như nguyên đơn trình bày, cụ thể bà nhận 80.000.000 đồng và bà L nhận 20.000.000 đồng. Về phần bà đã trả cho bà Nga được 25.000.000 đồng. Bà đồng ý trả tiếp cho nguyên đơn số tiền 55.000.000 đồng nhưng trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng. Đồng thời bà Kim A trình bày bà có giao thẻ rút tiền cho bà Nga để rút tiền lãi. Bà Kim A có nộp cho tòa bản sao kê tài khoản khách hàng đối với thẻ ATM 9704155204406732 của Ngân hàng Công thương V mang tên Nguyễn Thị Kim A.

Các bị đơn ông Nguyễn Kim D, bà Nguyễn Thị Kim B, ông Nguyễn Kim Y, bà Nguyễn Thị Kim Y (có ông Lê Hoài S đại diện theo uỷ quyền) thống nhất ý kiến trình bày của ông Nguyễn Kim U, đề nghị Tòa xác định chữ ký và chữ viết trong hai giấy vay tiền có phải của bà L hay không, đồng thời xác định cụ thể khoản nợ vay của bà L là bao nhiêu trong tổng số nợ để những người đồng thừa kế có phương án trả nợ.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thuý N và bà Phạm Thị P (do bà N đại diện theo uỷ quyền) giữ nguyên yêu cầu buộc các bị đơn cùng có trách nhiệm trả số tiền 183.500.000 đồng và tiền lãi. Bà N đồng ý Tòa án điều chỉnh số tiền lãi bị đơn đã trả theo quy định của pháp luật.

*Đại diện viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Tòa cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, các đương sự được thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ, đơn kháng cáo và tiền tạm ứng án phí phúc thẩm còn trong thời hạn luật định.

Về nội dung: kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và kháng cáo của các bị đơn là có cơ sở, đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh luận tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Về hình thức và thời hạn kháng cáo, kháng nghị: Ngày 26/5/2020 Toà án nhân dân Quận N xét xử và ban hành bản án số 142/2020/DS-ST. Ngày 09/6/2020 bị đơn có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm; ngày 24/6/2020 Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định kháng nghị. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015 thì kháng cáo và kháng nghị còn trong hạn luật định.

[1.2] Về xác định quan hệ tranh chấp: Ngày 13/10/2018 nguyên đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị Kim A và các đồng thừa kế của bà Nguyễn Thị L (bà L chết ngày 24/9/2017) là các ông bà Nguyễn Thị Kim B, ông Nguyễn Kim D, ông Nguyễn Kim U, ông Nguyễn Kim Y, bà Nguyễn Thị Kim Y yêu cầu trả nợ theo hai giấy vay tiền ngày 06/9/2016 và 08/12/2016 ký kết giữa nguyên đơn và bà Kim A, bà L. Do đó cần xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại”

#### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Xét hai giấy vay tiền ngày 06/9/2016 và 08/12/2016 thể hiện bà Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị Kim A cùng ký tên vay số tiền 183.500.000 đồng. Toà án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào kết luận giám định chữ viết và chữ ký của bà Kim A, không chấp nhận yêu cầu của bị đơn ông Nguyễn Kim U tại phiên tòa sơ thẩm về việc giám định chữ viết và chữ ký của bà L trong hai giấy vay nợ mà đã xác định bà L và bà Kim A cùng ký vay tiền và buộc những đồng thừa kế của bà L có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn là chưa đủ cơ sở.

Mặt khác, nguyên đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị Kim A và các đồng thừa kế của bà L yêu cầu trả nợ (yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại) nhưng toà án cấp sơ thẩm nêu trong phần nhận định và áp dụng Điều 74 của Bộ luật Dân sự năm 2005 xác định các bị đơn bà B, ông O, ông D, ông U, bà Y là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà L là không đúng. Toà án cấp sơ thẩm cũng không xác minh xem bà L có để lại di sản thừa kế hay không để buộc các đồng thừa kế có trách nhiệm trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 637 của Bộ luật dân sự năm 2005 “Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đồng thừa kế của bà L gồm bà Kim B, bà Kim A, ông Kim O, ông Kim D, ông Kim U, bà Kim Y đều xác định cha mẹ ông bà chết có để lại di sản thừa kế là căn nhà số 166/8 đường U, Phường M, Quận N,

Thành phố Hồ Chí Minh, các bị đơn đã kê khai di sản thừa kế nhưng chưa phân<sup>7</sup> chia. Toà án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ về tài sản này để xem xét trách nhiệm trả nợ của các đồng thừa kế nên cấp phúc thẩm không thể bổ sung được.

[2.2] Hợp đồng vay ngày 06/9/2016 thể hiện việc bị đơn có thể chấp cho nguyên đơn thẻ rút tiền số 9704155204406732. Toà án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ việc sử dụng thẻ rút tiền này. Tại phiên toà phúc thẩm bà Kim A có nộp cho Toà bản sao kê thể hiện trong thời gian từ 08/9/2016 đến 13/5/2017 có việc rút tiền qua ATM nhiều lần, bà trình bày số tiền này là do bà N rút ra vì bà N đang giữ thẻ của bà. Bà N trình bày sau khi nhận thẻ chấp thẻ ATM nói trên bà chưa từng rút tiền vì bà Kim A chỉ giao thẻ chứ không giao mật khẩu, mỗi lần bà Kim A cần tiền bà chỉ đưa thẻ và đi rút tiền chung với bà Kim A chứ không lấy tiền. Xét lời khai của các bên có nhiều mâu thuẫn, số tiền này chưa được xem xét làm rõ là do ai rút ra để có cơ sở căn trừ vào khoản nợ gốc và lãi để đảm bảo quyền lợi của bị đơn.

[2.3] Về lãi suất: Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, cả hai khoản nợ đều đã quá thời hạn thoả thuận nhưng Toà án sơ thẩm không xem xét tính lãi trong hạn, lãi quá hạn mà chỉ tính lãi trong hạn là không đúng quy định tại khoản 5 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy do có những sai sót trong việc thu thập chứng cứ ở cấp sơ thẩm mà Toà án cấp phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được, Hội đồng xét xử cần chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và kháng cáo của các bị đơn, hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ về Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Chấp nhận kháng cáo của các bị đơn các bị đơn bà Nguyễn Thị Kim A, bà Nguyễn Thị Kim B, bà Nguyễn Thị Kim Y, ông Nguyễn Kim U, ông Nguyễn Kim O, ông Nguyễn Kim D.

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 142/2020/DS-ST ngày 26/5/2020 của Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí dân sự sơ thẩm được giải quyết khi vụ án được giải quyết lại. 8

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Các bị đơn bà Nguyễn Thị Kim A, bà Nguyễn Thị Kim B, bà Nguyễn Thị Kim Y, ông Nguyễn Kim U, ông Nguyễn Kim O, ông Nguyễn Kim D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn lại mỗi người 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0043771 ngày 11/6/2020 và các biên lai thu số 0043778, 0043779, 0043780, 0043781, 0043782 cùng ngày 15/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- TAND Quận N (kèm hsva);
- Chi cục THADS Quận N;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thị Hằng**